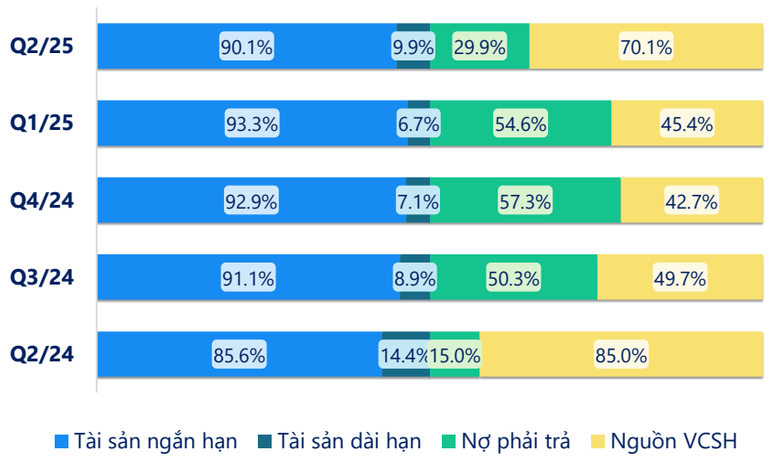
FireAnt

CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (HNX: GLT)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	24,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,100
SL cổ phiếu LH	9,326,742
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,530
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	231
P/E	12.3
EPS	2,008

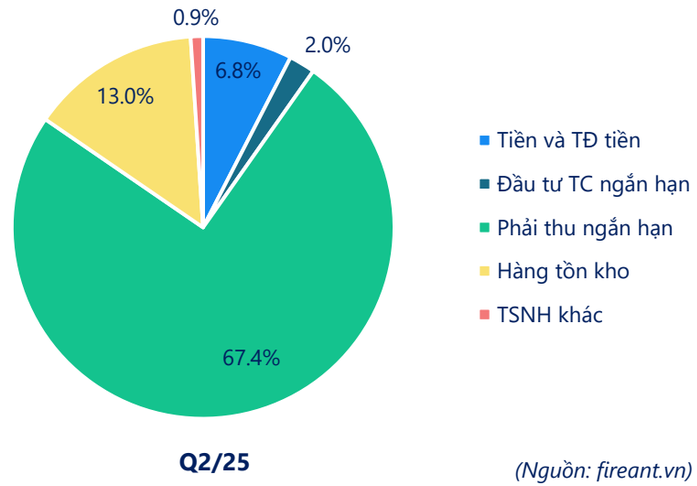
	YTD	1T	3T	6T
GLT	-3.5%	-18.7%	-29.1%	-3.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



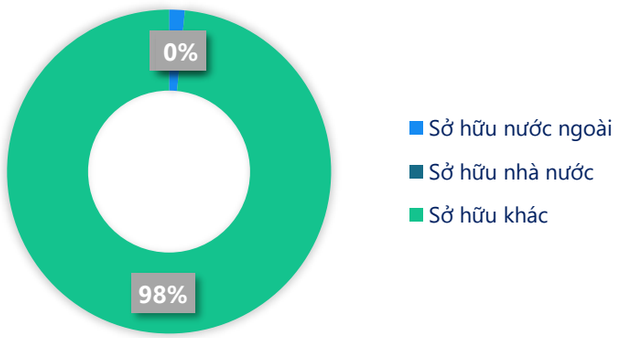
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



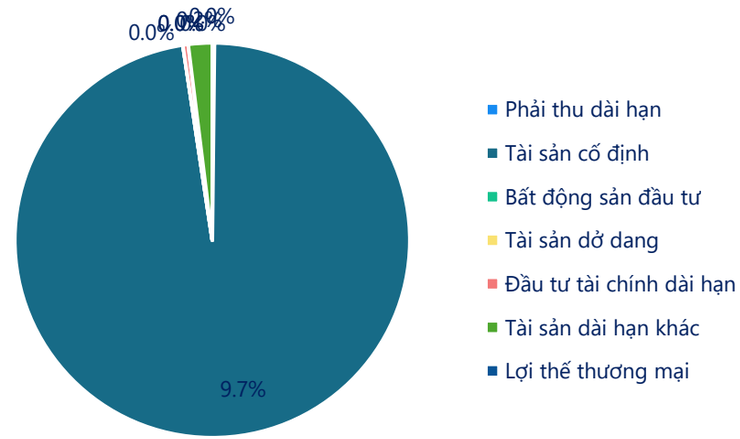
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

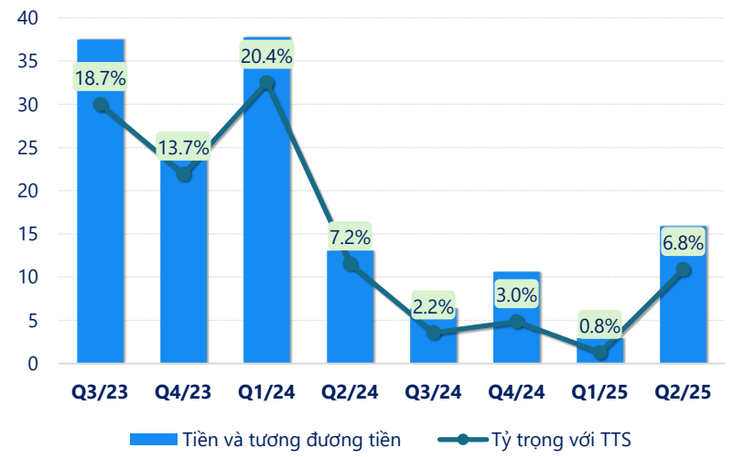


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

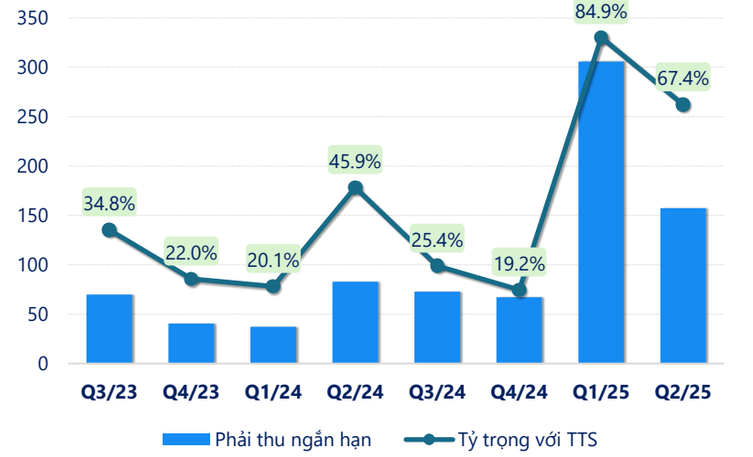
CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (HNX: GLT)

Tiền và tương đương tiền



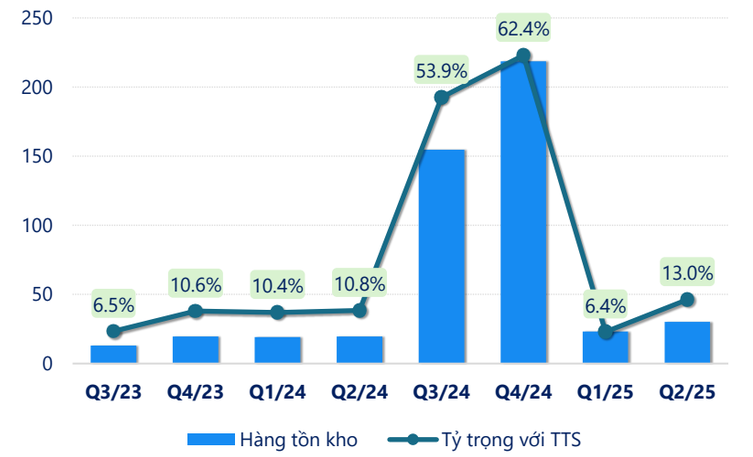
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



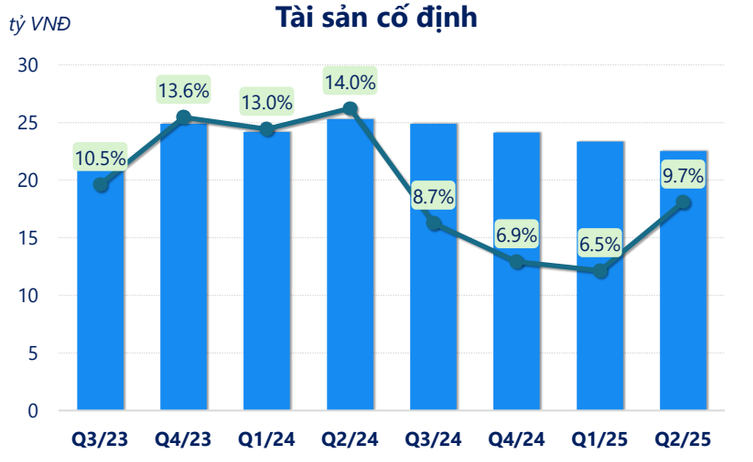
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



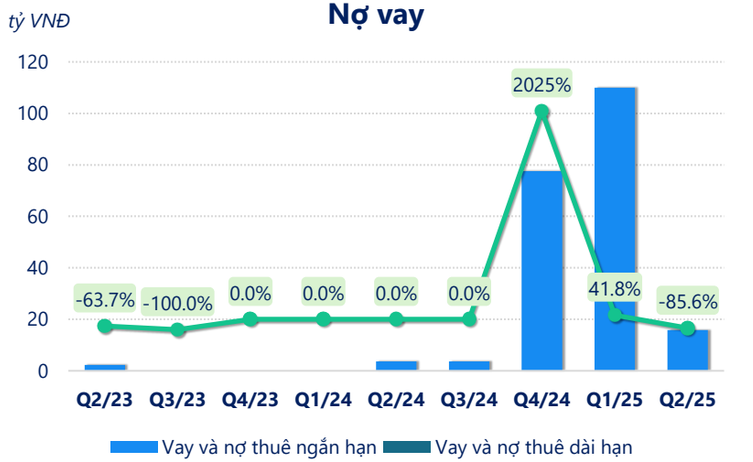
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



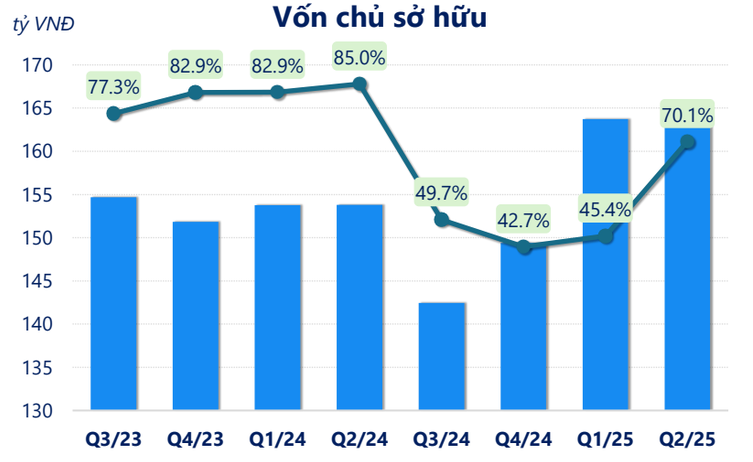
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

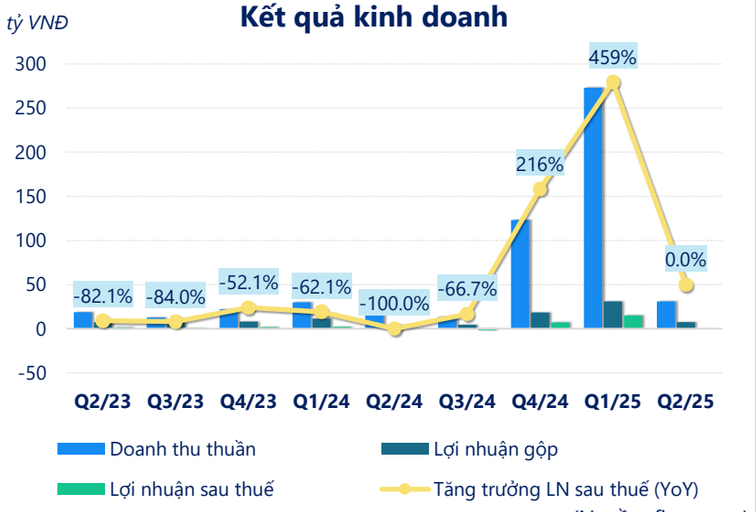


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

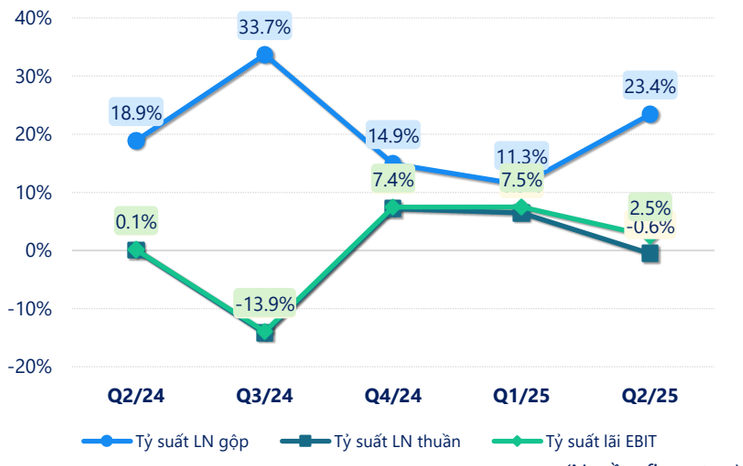
CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (HNX: GLT)

Kết quả kinh doanh



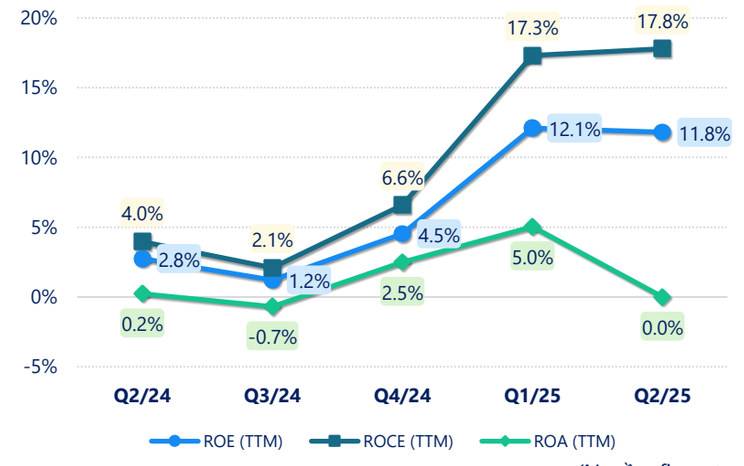
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



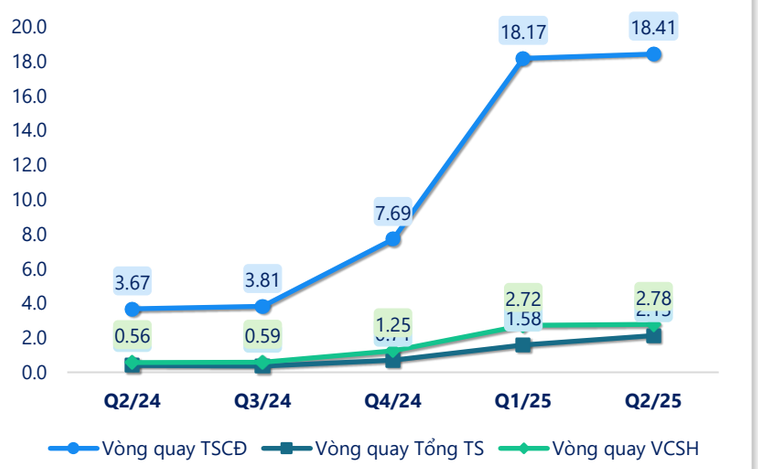
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



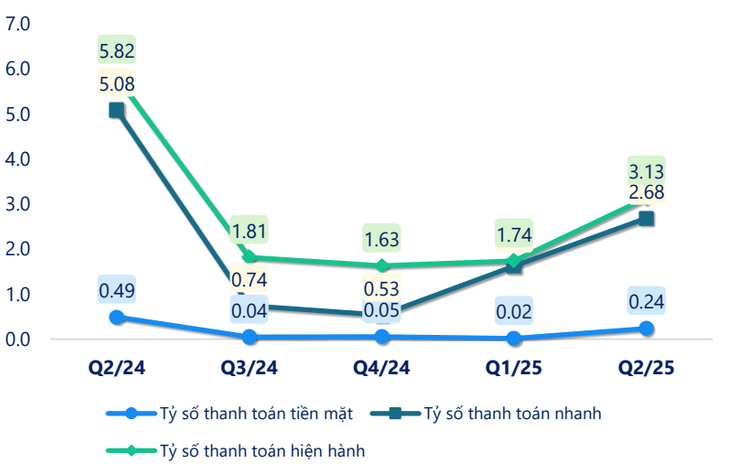
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



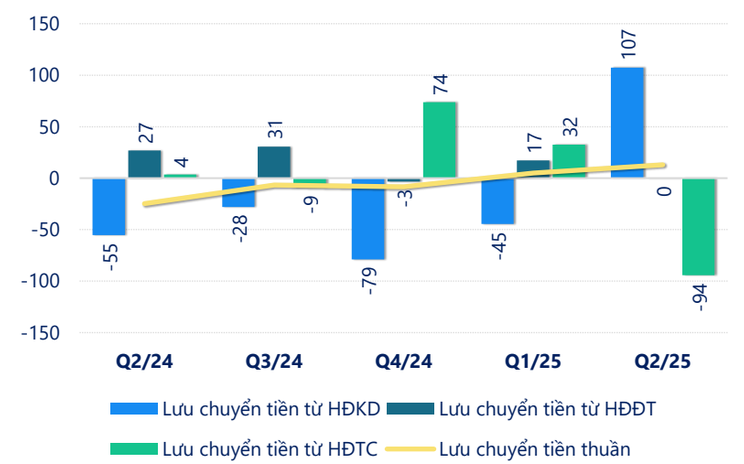
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (HNX: GLT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**233**	**350**	**-33.4%**
Tài sản ngắn hạn	210	325	-35.4%
Tiền và tương đương tiền	15.9	10.6	49.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.65	9.95	-53.3%
Phải thu ngắn hạn	157	67.2	134%
Hàng tồn kho	30.3	219	-86.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.20	18.9	-88.4%
Tài sản dài hạn	**23.1**	**24.9**	**-7.1%**
Phải thu dài hạn	0.04	0.03	33.3%
Tài sản cố định	22.5	24.1	-6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.10	0.10	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.45**	**0.62**	**-27.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	69.9	201	-65.2%
Nợ ngắn hạn	**67.1**	**200**	**-66.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.8	77.6	-79.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.1	64.4	-42.5%
Nợ dài hạn	2.81	0.96	192%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**164**	**149**	**9.5%**
Vốn chủ sở hữu	**164**	**149**	**9.5%**
Vốn điều lệ	105	105	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	22.2	13.3	123	273	31.0
Giá vốn hàng bán	18.0	8.81	105	242	23.7
Lợi nhuận gộp	4.19	4.48	18.4	30.9	7.27
Doanh thu HĐTC	0.88	0.46	0.14	0.00	0.21
Chi phí TC	0.12	0.07	1.30	1.81	1.34
Chi phí lãi vay	0.01	0.05	0.50	1.54	0.95
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.60	4.36	5.71	6.37	3.69
Chi phí QLDN	1.34	2.39	2.66	5.06	2.61
LN thuần từ HĐKD	0.02	-1.89	8.85	17.7	-0.17
Lợi nhuận khác	0.00	-0.01	-0.18	1.23	0.00
LN trước thuế	0.01	-1.90	8.66	18.9	-0.18
Lợi nhuận sau thuế	0.01	-1.99	7.20	15.1	-0.18
LNST của CĐ cty mẹ	0.49	-1.68	6.66	13.7	0.01

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-55.3	-28.0	-78.8	-44.5	107
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	26.9	30.7	-3.25	17.1	-0.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.65	-9.27	73.7	32.4	-94.1
Tiền đầu kỳ	37.8	13.0	6.38	10.6	2.94
Lưu chuyển tiền thuần	**-24.7**	**-6.65**	**-8.40**	**4.96**	**13.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.03	0.01	-0.01	0
Tiền cuối kỳ	13.0	6.38	10.6	2.94	15.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic